

HỘI NHẬP KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ ĐÀO TẠO NHÂN LỰC TẠI VIỆT NAM

Một trong những thành tựu to lớn Đảng, chính phủ và nhân dân VN đạt được trong công cuộc xây dựng CNXH đó là lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Nếu thời Pháp thuộc cả nước chỉ mới có 2.322 trường sơ học, tỷ lệ dân số đi học là 2%, tiểu học là 0,4%, bậc cao đẳng tiểu học là 0,05%, số người học đại học không quá 1.000 sinh viên, 95% dân số mù chữ, thì gần 50 năm sau; năm 1999 chúng ta có 23.414 trường phổ thông với 16.508.452 học sinh; trong đó phổ thông cơ sở có 21.769 trường; 14.555.520 học sinh, phổ thông trung học có: 1.645 trường và 1.652.932 học sinh. Trường công nhân kỹ thuật tính đến năm 1999 VN có 180 trường và 114.266 người theo học. Trường trung học chuyên nghiệp là 247 và có 126.405 người học. Tổng số trường đại học tính đến năm 1999 là 123; số sinh viên là 401.666 người. Đặc biệt năm 2000 VN đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học.

Trong bối cảnh thế giới cuối những năm 80, đầu thập niên 90 có những biến đổi sâu rộng; từ chỗ đối đầu sang đối thoại, hợp tác, mở cửa và hội nhập kinh tế thế giới. Xu hướng hội nhập đã trở thành quy luật của nền kinh tế toàn cầu. Riêng VN tháng 12.1987, chính phủ ban hành Luật đầu tư nước ngoài và chuyển giao công nghệ vào VN. Đây là bằng chứng cho thấy chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ chiến lược kinh tế đóng cửa sang chiến lược kinh tế mở cửa. Song trên thực tế cho tới năm 1995, VN mới thực sự hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới [ASEAN (95); APEC (98); ASEM.] Song khởi điểm quá trình hội nhập của VN rất thấp; trình độ sản xuất, trình độ lao động rất lạc hậu. Để có thể hội nhập thành công, giảm thua thiệt và phát huy được các lợi thế, thực hiện chính sách đi tắt đón đầu tiên bộ khoa học kỹ thuật, rút ngắn lại khoảng cách giữa VN với các nước trong khu vực và thế giới; phấn đấu đến năm 2020 về cơ bản VN phải là 1 nước công nghiệp hóa mới (NIC) thì công tác đào tạo nguồn nhân lực là vô cùng cần thiết. Nó đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy quá trình hội nhập của VN một cách chắc chắn và bền vững. Sự quan tâm của Đảng và chính phủ đối với lĩnh vực đào tạo trong thời gian qua được thể hiện nổi bật ở một số mặt như sau:

Thứ nhất; chính sách xã hội hóa giáo dục; chính phủ VN một mặt xóa bỏ bao cấp trong giáo dục, một mặt cho phép các thành phần kinh tế tham gia vào công tác này nhằm huy động nguồn tài chính của toàn dân và đảm bảo mọi người trong độ tuổi lao động đều được đến lớp. Chính sách này đã tạo điều kiện ra đời hệ thống trường dân lập, báo công v.v...thu hút tất cả trẻ em trong độ tuổi đến trường; đồng thời sức ép chi tiêu ngân sách của chính phủ cũng giảm.

Thứ hai; tăng ngân sách cho lĩnh vực giáo dục trong cơ cấu chi tiêu của chính phủ.

Bảng 1: Ngân sách giáo dục của VN từ 1997 - 1999

Chỉ tiêu	1997	1998	1999
1 Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo (tỷ đ)	8.719	9.723	10.230
2 Tỷ lệ so với GDP (%)	2,8	2,7	2,6
3 Tỷ lệ so với tổng chi ngân sách (%)	11,16	11,86	12,4
4 Tốc độ phát triển (%)		111,52	105,2

Nguồn: tổng hợp từ KTXHVN 1975 - 2000, NXB Thống kê 2000

Nhờ có sự quan tâm đúng mức của Đảng và chính phủ, sự

ngành giáo dục và đào tạo trong những năm qua đã đạt được một số tiến bộ, cụ thể:

Bảng 2: Số lượng trường học, học sinh, sinh viên của VN từ 1995 - 1999

Chỉ tiêu	95 - 96	96 - 97	97 - 98	98 - 99
1 Số lượng trường phổ thông (trường)	21.049	21.754	22.664	~ 23.414
Trong đó: Phổ thông cơ sở	19.704	20.323	21.125	21.769
Phổ thông trung học	1.345	1.432	1.539	1.645
2 Học sinh phổ thông (người)	15.560.984	16.347.964	16.970.188	16.508.452
Trong đó: Phổ thông cơ sở	14.541.504	15.192.354	15.588.220	14.555.520
Phổ thông trung học	1.019.480	1.155.610	1.381.968	1.652.932
3 Số trường công nhân kỹ thuật (trường)	203	197	186	180
4 Học sinh học nghề (người)	58.689	69.862	102.535	114.266
5 Số trường THCN (trường)	266	239	239	247
6 Số lượng học sinh THCN (người)	111.594	116.110	124.599	126.405
7 Số trường đại học, cao đẳng (trường)	109	96	110	123
8 Số lượng sinh viên (người)	173.080	236.294	357.599	401.664
9 Số người đi học (nghìn người)	16.223,5	17.104,8	17.965,7	17.587,4

Nguồn: Tổng hợp từ KTXHVN 1975 - 2000, NXB thống kê 2000

Qua số liệu bảng 2 ta thấy rõ tất cả các chỉ tiêu của giáo dục đào tạo đều tăng về quy mô qua từng năm. Nhưng xét về cơ cấu đào tạo nguồn nhân lực của VN ta thấy ở bảng 3.

Bảng 3: Dân số 13 tuổi trở lên phân theo trình độ chuyên môn (tài liệu dân số 1.4.1999)

Chỉ tiêu	Số lượng (nghìn người)	% so với tổng số (%)
Tổng số	54.473,8	100,000
Trong đó: - Đào tạo nghề (chứng chỉ)	1.239,8	2,280
- THCN	1.526,2	2,800
- Cao đẳng	379,2	0,700
- Đại học	936,9	1,720
- Thạc sĩ	17,2	0,030
- Tiến sĩ	8,8	0,020
- Tiến sĩ khoa học	2,5	0,005
- Không được đào tạo	50.336,4	92,400

Chúng ta không phủ nhận mọi nỗ lực của chính phủ để nâng cao trình độ dân trí trong bối cảnh toàn cầu hóa. Song với những gì đã đạt được trong thời kỳ 10 năm đổi mới vẫn chưa đủ lực để giúp VN cất cánh. Vì chính sách đào tạo còn quá nhiều bất hợp lý, không đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn. Tình trạng thừa thầy thiếu thợ diễn ra rất phổ biến trong nhiều ngành nghề. Do cách tổ chức và quản lý lao động đã dẫn đến thói "hư danh", sùu tâm bằng cấp, xin học hàm, chạy học vị, cử trước thi sau...Không những vậy trong cơ cấu độ tuổi của lao động, số lao động trẻ (từ 15 đến 29 tuổi), lứa tuổi chủ lực của nguồn lao động và rất dễ dàng tiếp cận với tiến bộ KHKH của thế giới, cũng đang diễn ra tình trạng như GS. Hoàng Tụy từng nhận xét về những hạn chế của người VN: "thiếu đầu óc kinh doanh hiện đại, cung cách làm ăn lớn; tính toán nhìn xa trông rộng, táo bạo nhạy cảm và năng động với cái mới, thích ứng mau lẹ để xoay chuyển tình thế khi gặp khó khăn, bền bỉ quyết tâm theo đuổi đến cùng một sự nghiệp yêu thích, miệt mài học tập, nghiêm nghị và phân tích sâu sắc, nghiêm cứu nghiêm túc để tìm hiểu căn cứ đạo lý của mọi vấn đề... tất cả những nhược điểm trên đây sẽ trở thành lực cản không cho phép chúng ta tiến nhanh".

Bảng 4: Tình hình đi học ở tuổi 15 - 29 (%)

	Tổng số	15 - 17	18 - 19	20 - 29
Tổng số	100,0	100,00	100,00	100,00
Đang đi học	19,7	53,85	26,19	4,63
Đã thôi học	75,3	42,27	68,47	89,17
Chưa bao giờ đi học	5,0	3,87	5,33	5,39

Nguồn: Thời báo KTVN, 27.3.2000

Độ tuổi 15 - 29 lực lượng lao động trẻ, năng động sung sức, sáng tạo, có khả năng tích lũy tri thức cao. Song theo tài liệu bảng 4 thì tình trạng thôi học ở độ tuổi 20 - 29 lại chiếm đến 89,17% số người trong độ tuổi 15 - 29. Điều này thể hiện một bộ phận thanh niên VN đã nhanh chóng tự mãn với những cái đã đạt được, không vượt qua được chính mình, chưa nhìn xa trông rộng, ngại khó, ngại khổ...Do vậy nếu chính phủ không có được những chính sách khuyến khích đầu tư cho học tập thỏa đáng và bản thân thanh niên không có ý thức, trách nhiệm đầy đủ thì chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa hướng ra thị trường nước ngoài trong bối cảnh quốc tế hóa cũng chỉ là hữu danh vô thực. Để tồn tại và phát triển thì chiến lược phát triển con người là một nhiệm vụ hàng đầu của các quốc gia; vì giáo dục có những chức năng đóng góp cho sự phát triển của đất nước. Giáo dục xác lập mối quan hệ chặt chẽ giữa phát triển con người và kinh tế, giữa cá nhân và cộng đồng trong sự tiến bộ chung của xã hội. Phát triển giáo dục là điều kiện cần và đủ cho sự phát triển của đất nước theo hướng CNH, HĐH. Giáo dục đào tạo là một việc làm liên tục và suốt đời, có như vậy mới cập nhật được một khối lượng thông tin KHKT đang không ngừng có những tiến bộ vượt bậc. Song chất lượng lao động của VN so với một số nước trên thế giới được đánh giá còn rất khiêm tốn.

Bảng 5: Đánh giá chất lượng lao động ở một số nước

Quốc gia	Khung pháp lý	Năng suất lao động	Thái độ lao động	Kỹ năng nghề nghiệp	Đánh giá chất lượng lao động
Singapore	71 (1)*	85 (1)	83 (3)	95 (8)	84 (1)
Thụy Sĩ	62 (3)	61 (4)	92 (2)	100 (1)	75 (2)
Nhật Bản	59 (5)	68 (3)	97 (1)	100 (1)	73 (3)
Bỉ	68 (2)	72 (2)	40	100 (1)	73 (3)
Mỹ	61 (4)	20		16	70 (5)
Việt Nam	45				32 (48)

* Số ngoài dấu ngoặc là điểm số trên thang điểm 100, số trong ngoặc là thứ hạng trên 59 quốc gia được khảo sát. (Thời báo kinh tế Sài Gòn, 16.9.1999).

Số liệu của bảng 5 cho ta thấy chất lượng lao động của VN rất thấp (48/59 quốc gia được điều tra) và với GDP/người của VN năm 1998 mới chỉ bằng 59% so với Indonesia, 36% so với Philippines, 17% với Thái Lan, 10% với Malaysia, 1% so với Singapore; các chuyên gia Ngân hàng Châu Á (ADB) đã tính rằng: Nếu VN và các nước ASEAN vẫn giữ tốc độ tăng trưởng bình quân của giai đoạn 1991 - 1998 thì muốn đuổi kịp Indonesia VN phải mất 19 năm, kịp Philippines mất 22 năm, kịp Thái Lan mất 91 năm, và kịp Malaysia phải mất 108 năm. Do vậy để rút ngắn khoảng cách, chấm dứt tình trạng tụt hậu thì VN không còn con đường lựa chọn nào khác là phải tăng trưởng và phát triển với tốc độ cao (vì tiến chậm có nghĩa là tụt lùi). Muốn vậy giáo dục và đào tạo phải có một bước đột phá.

Phương hướng phát triển giáo dục của VN trong thời gian tới:

Sẽ là ảo tưởng nếu muốn có ngay một chất lượng và cơ cấu đào tạo cao, hợp lý, nhưng cùng sẽ có lỗi nếu không sớm bắt tay ngay xây dựng một chiến lược giáo dục đào tạo khoa học, hiện đại và hiệu quả nhằm "nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài" cho đất nước.

Trong bối cảnh thế giới đang có sự phân hóa trình độ giữa các dân tộc; các nước phát triển thực hiện chức năng tri não, các nước đang phát triển lại thực hiện chức năng chân tay; hậu quả của nó sẽ là: các nước phát triển lao động bằng tri óc và làm chủ thế giới, các nước đang phát triển lao động bằng cơ bắp, thu nhập thấp, công ăn việc làm đang bị máy móc và robot thay thế dần. Dân tộc VN cũng đang phải đối mặt với sự phân cách chết người này. Do vậy để thực hiện chiến lược hóa rồng của Đảng và chính phủ vào năm 2020; nhà nước cùng Bộ giáo dục và đào tạo đã hoàn tất dự

án đưa 400 - 500 cán bộ KHKT đi du học nước ngoài mỗi năm bằng ngân sách của nhà nước. Dự kiến mỗi năm nhà nước cấp bình quân 15.000 USD/người.

Bảng 6: Đầu tư đi học nước ngoài giai đoạn 1999 - 2005

	1999 - 2000	2001	2002	2003	2004	2005
Tiến sĩ	200	400	600	600	600	600
Thạc sĩ	100	200	200	200	200	200
Thạc tập sinh	60	60	60	60	60	60
Cử nhân tài năng	40	80	120	160	160	160
Tổng số	400	740	980	1.020	1.020	1.020
Dự kiến ngân sách (VND tỷ)	100	195	240	260	260	260

Nguồn: Báo Người lao động, 22.3.2000

Song song với biện pháp gửi cán bộ đi đào tạo ở nước ngoài thì hệ thống giáo dục và đào tạo trong nước cũng phải có chuyển biến sâu rộng cả về lượng và chất, cụ thể:

Thứ nhất; do qui luật phát triển không đồng đều về trí tuệ, tâm sinh lý và thể chất của học sinh, do cấu trúc di truyền và điều kiện sinh - dưỡng khác nhau, từ sau lứa tuổi 15 cần có sự phân luồng học sinh một cách hợp lý cả về tâm lý xã hội, năng lực cá nhân và điều kiện học tập, lập nghiệp. Trong tương lai, tạo điều kiện cho trẻ phát triển nhằm phát huy tối đa năng lực và thể chất trẻ bằng cách:

- Phát triển mạnh với chất lượng cao hệ thống giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp (gồm trường trung học kỹ thuật; trường nghề; trung tâm dạy nghề) đủ sức đào tạo kỹ thuật viên, công nhân kỹ thuật trình độ cao đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong nước và xuất khẩu lao động kỹ thuật ra nước ngoài. Nhà nước cần tiếp tục chính sách xã hội hóa giáo dục để đa dạng hóa các loại hình đào tạo (trường công lập, dân lập và tư thục) nhằm thu hút nhiều nguồn lực cho giáo dục và đào tạo: qua ngân sách nhà nước, đóng góp của dân, hỗ trợ của các tổ chức, đoàn thể xã hội, các dự án vay vốn và tài trợ quốc tế...

- Xây dựng và cơ cấu lại các trường trung học phổ thông gắn với đào tạo nghề: trường trung học kỹ thuật phổ thông, trường trung học chuyên nghiệp - dạy nghề và trường trung học phổ thông.

- Hoàn thiện hệ thống giáo dục đại học theo hướng phân hóa, đa dạng hóa, linh hoạt, mềm dẻo và liên thông. Chú trọng và tăng cường phần thực hành nhằm nâng cao trình độ lao động được qua đào tạo từ 15,52% (tại thời điểm được điều tra 1.7.2000) lên 30% năm 2005 và 40% năm 2010 nhằm đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu; nhu cầu lao động có chất lượng cao tại các khu công nghiệp và khu chế xuất tại VN.

Thứ hai; tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học ở các cấp học cho phù hợp với nhu cầu đổi mới. Gắn kết chặt chẽ học với hành; lý thuyết và thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đại học ở VN.

Thứ ba; hình thành các trung tâm dự báo nhu cầu nguồn nhân lực từ trung ương đến địa phương nhằm xác định chính sách cơ cấu đào tạo thích hợp với nhu cầu thực tiễn của đất nước.

Thứ tư; Tổng cục thống kê, Bộ giáo dục và đào tạo cùng với Tổng cục dạy nghề cần phối hợp điều tra và công bố tình trạng việc làm sau đào tạo nhằm giúp phụ huynh và học sinh định hướng đúng trong việc lựa chọn ngành nghề không chỉ đáp ứng được nhu cầu đổi mới của đất nước mà còn phù hợp với khả năng của bản thân và gia đình học sinh, tránh tình trạng sử dụng lãng phí ngân sách của nhà nước do cơ cấu đào tạo chưa thực phù hợp với nhu cầu thực tiễn của sản xuất và xã hội.

Nếu thực hiện được những cải cách sâu rộng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên đây thì VN hoàn toàn có cơ hội để giảm tụt hậu, tăng trưởng và phát triển; gia tăng thu nhập bình quân đầu người, tạo thêm những cơ hội mới cho quá trình hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu trong quá trình thực thi chiến lược mở và hội nhập mà Đảng và nhà nước đã vạch ra. ■